

Số: 5360/TB-SYT

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 10 năm 2022

THÔNG BÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý III năm 2022

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4389/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Sở Y tế thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi NSNN quý III năm 2022 của các đơn vị ngành y tế (Chi tiết theo phụ biểu gửi kèm).

Hình thức: Công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế và gửi cho cơ quan tài chính theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Trang TT điện tử SYT;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KHTC5.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Diện

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Đơn vị: SỞ Y TẾ QUẢNG NINH

NAM

Chương: 423

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Sở Y tế công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý 3 năm 2022 của toàn ngành như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1.2	Phí	4.964	6.020		
	- Phí thẩm định lưu hành, xuất khẩu xác nhận công bố; thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, kinh doanh thuộc lĩnh vực dược, mỹ phẩm trong lĩnh vực dược mỹ phẩm; thẩm định tiêu chuẩn hành nghề thuộc lĩnh vực y tế	864	1.019	118%	
	- Phí thẩm định điều kiện hành nghề kinh doanh thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm	100	271	271%	
	- Phí giám định y khoa	4.000	4.730	118%	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	4.518	5.492		
2.1	Chi sự nghiệp.....	3.800	4.494		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.800	4.494		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính	718	998		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	718	998		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	446	292		

	- Phí thẩm định lưu hành , xuất khẩu xác nhận công bố ; thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, kinh doanh thuộc lĩnh vực dược, mỹ phẩm trong lĩnh vực dược mỹ phẩm; thẩm định tiêu chuẩn hành nghề thuộc lĩnh vực y tế	216	210	97%	
	- Phí thẩm định điều kiện hành nghề kinh doanh thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm	30	81	271%	
	- Phí giám định y khoa	200	236	118%	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính	13.062	8.744		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	11.239	8.154	73%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.823	590	32%	
2	Nghiên cứu khoa học	-			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	691.085	303.378		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên Ngân sách	391.064	223.664		
	<i>Nguồn NSNN cấp</i>	391.064	223.664	57%	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	191.331	44.934	23%	
4,3	Kinh phí phòng chống dịch Covid 19	108.690	34.780		
4.3.1	<i>Phụ cấp Phòng chống dịch và chi khác</i>	59.686	32.673	55%	
4.3.2	<i>Mua sắm covid</i>	49.004	2.107	4%	
5	Chi bảo đảm xã hội	3.948	3.947	100%	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.948	3.947	100%	
11	Chi Chương trình mục tiêu	-	-	-	-